



Thương mại gỗ và sản phẩm gỗ giữa Việt Nam và EU: Thực trạng và một số vấn đề cần lưu ý từ cam kết của EVFTA

NỘI DUNG TRÌNH BÀY



Tổng quan thương mại Việt Nam và EU



Các cam kết và một số vấn đề liên quan đến gỗ và sản phẩm gỗ trong EVFTA



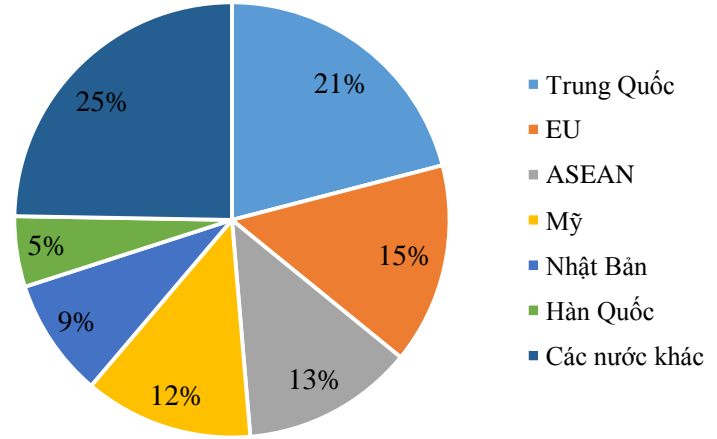
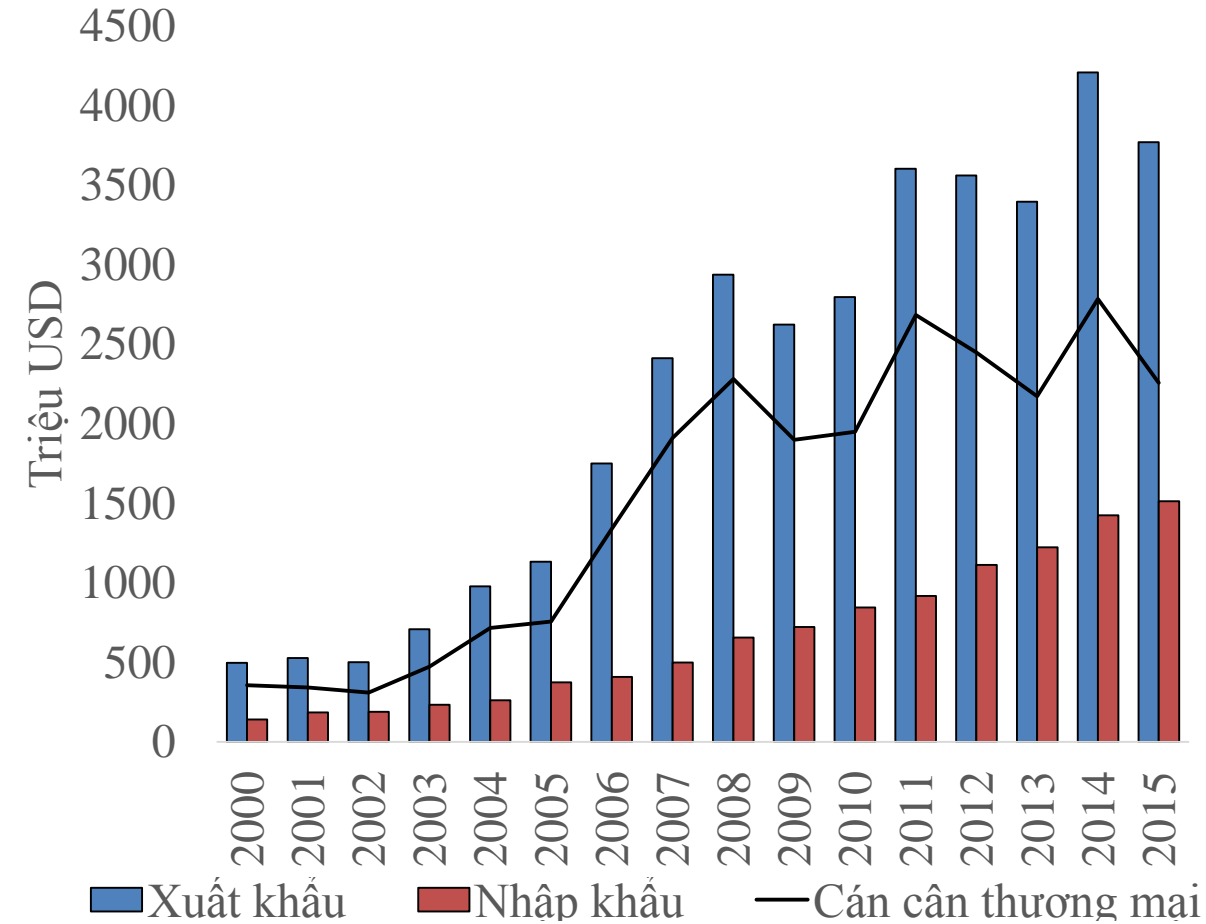
Tiềm năng thị trường đối với TM gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam và EU



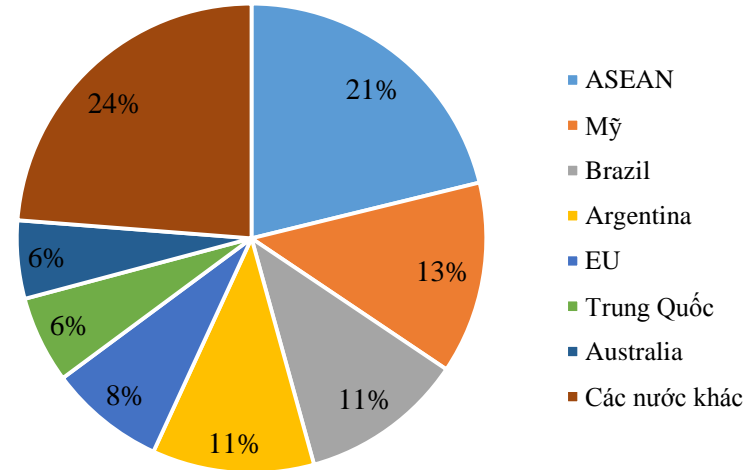
Khuyến nghị

Thương mại NLTS Việt nam - EU liên tục tăng trưởng

Thương mại NLTS Việt Nam và EU



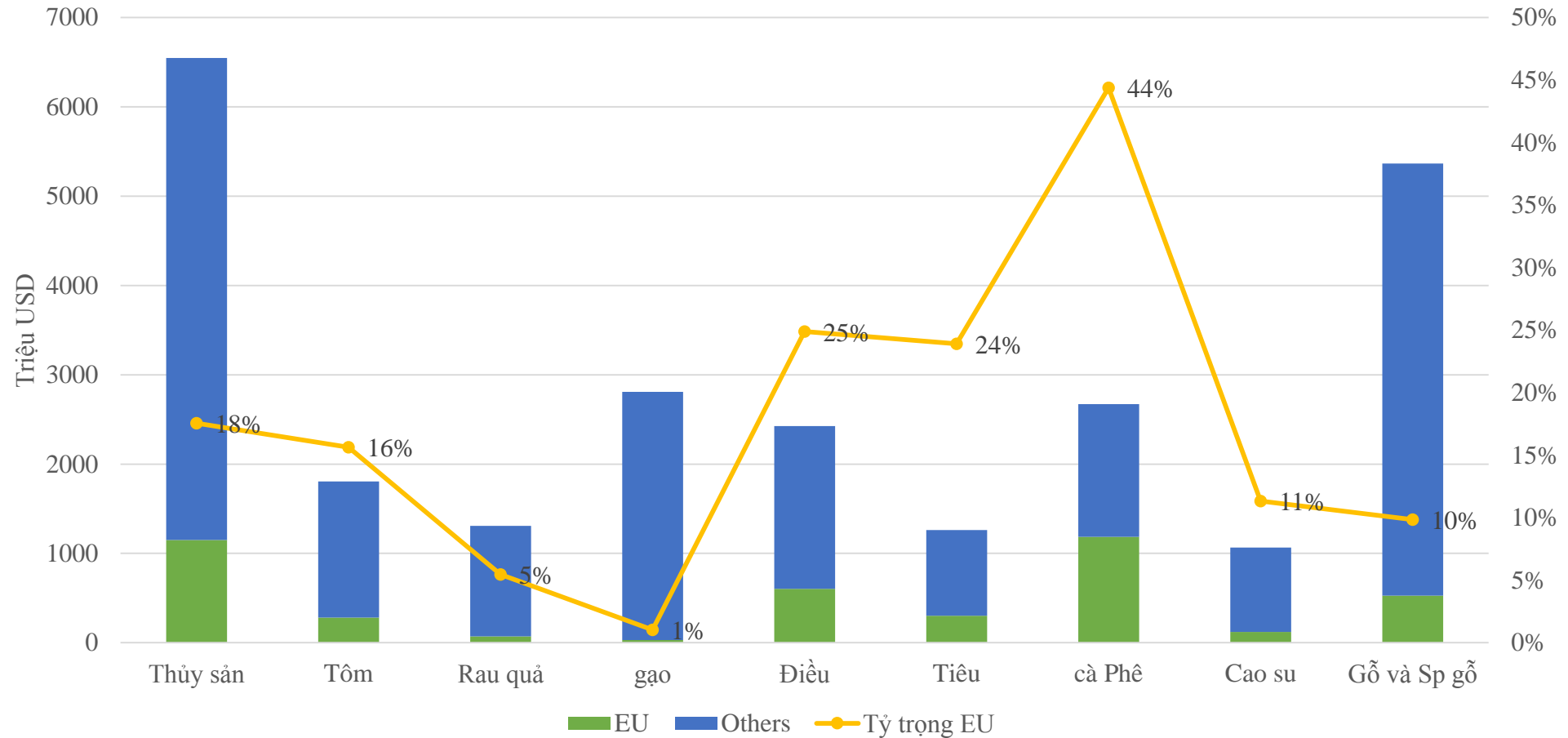
Xuất khẩu NLTS:
 EU Thứ 2 về thị phần XK (15%):
 cà phê, thủy sản, tiêu, điều, cao su, gỗ



Nhập khẩu NLTS: EU Thứ 5 về thị phần NK (8%) của VN:
 sản phẩm Chăn nuôi, sữa, gỗ nguyên liệu

Nguồn: USDA

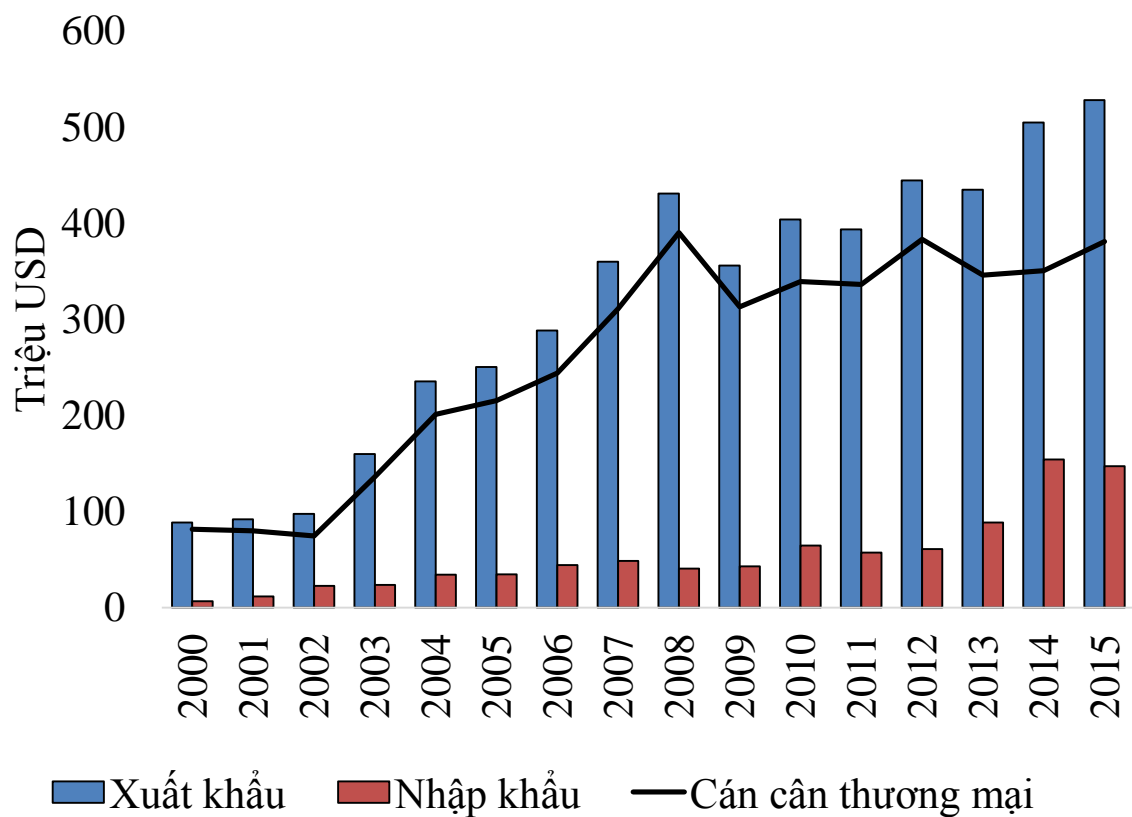
Gỗ và sản phẩm gỗ là 1 trong 10 mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam (2015)



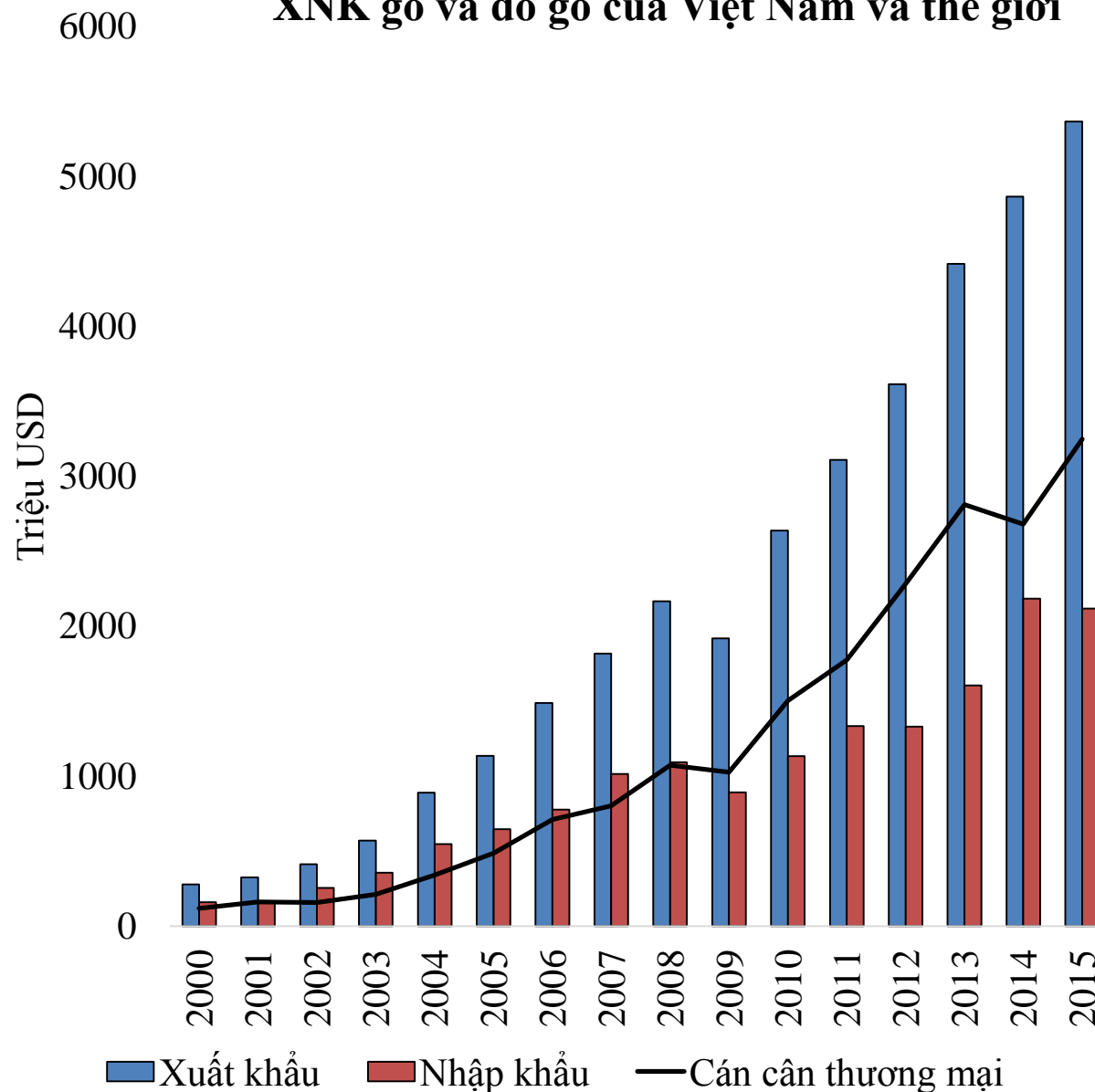
Nguồn: Tính toán từ dữ liệu UN Comtrade

Thặng dư và tăng trưởng liên tục đối với TM gỗ và SP gỗ

XNK gỗ và đồ gỗ của Việt Nam và EU



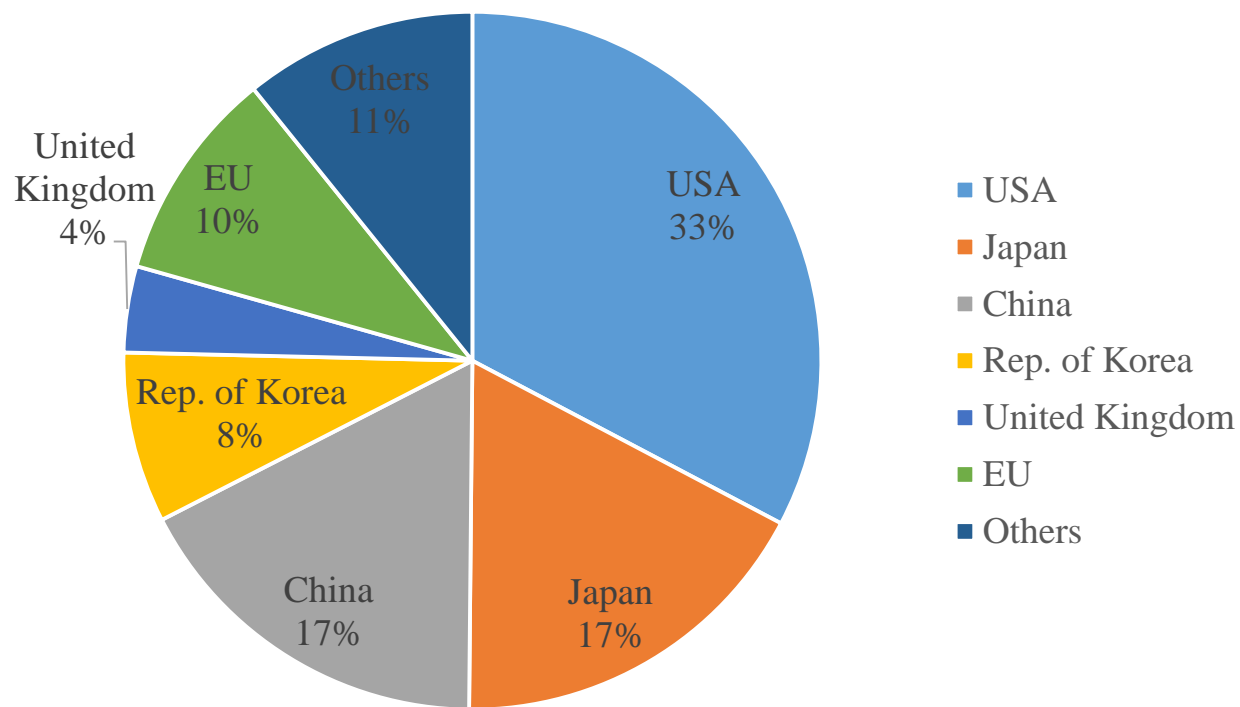
XNK gỗ và đồ gỗ của Việt Nam và thế giới



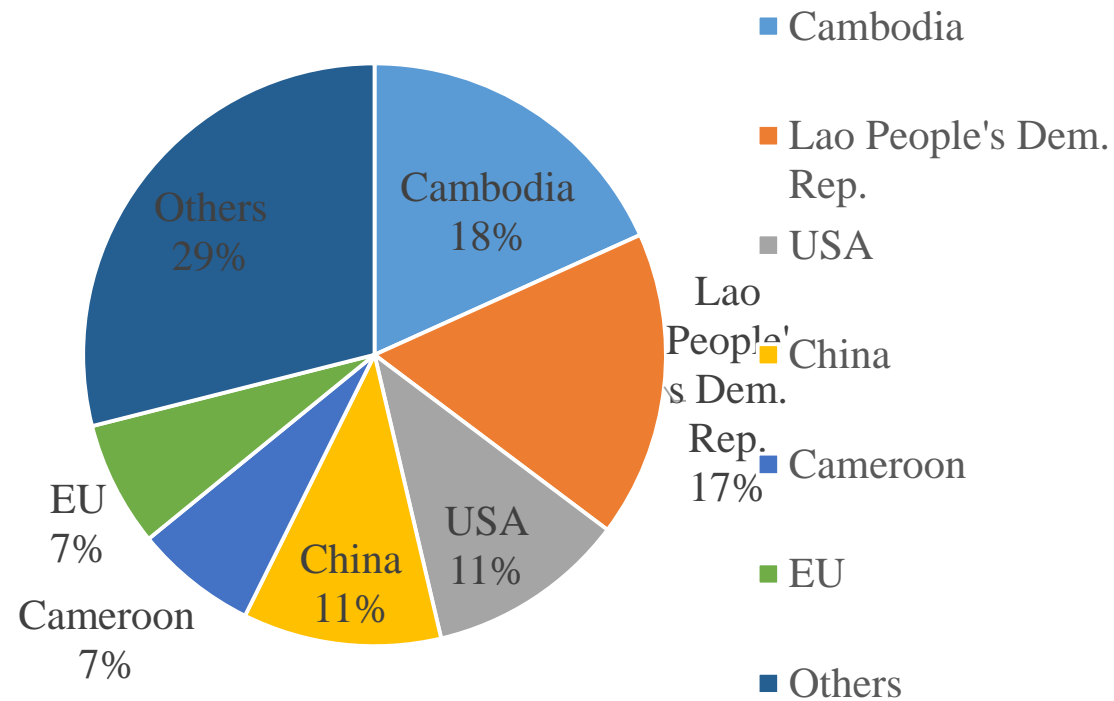
Nguồn: UN Comtrade

EU là đối tác thương mại quan trọng

XK gỗ và SP gỗ của Việt Nam - 2015



NK gỗ và SP gỗ của Việt Nam - 2015



Nguồn: Uncomtrade, 2016

CAM KẾT VÀ MỘT SỐ LƯU Ý TỪ CAM KẾT

Cam kết thuế NK EVFTA

Mặt hàng	Cam kết EU		Cam kết Việt Nam	
	Thuế hiện hành	Lộ trình xóa bỏ	Thuế hiện hành	Lộ trình xóa bỏ
Gỗ nhiên liệu; vỏ bào hoặc dăm gỗ và mùn cưa, phế liệu	0	-	3%	N1
Than củi	0	-	5%	6 năm
Gỗ cây dạng thô	0	-	0	-
Gỗ đai thùng; cọc chẻ; sào, cột và cọc bằng gỗ, vót nhọn, nhưng không xẻ dọc; gậy gỗ, đã cắt nhưng chưa tiện, uốn cong hoặc gia công	0	-	3%	N1
Sợi gỗ; bột gỗ, tà vẹt;	0	-	0%	-
Gỗ đã cưa hoặc xẻ theo chiều dọc, lạng hoặc bóc, đã hoặc chưa bào, chà nhám hoặc ghép nối đầu, có độ dày trên 6 mm	0-2,5%	N1	0%	-
Tấm gỗ để làm lớp mặt, làm gỗ dán, làm gỗ ghép đã được xẻ dọc, bóc tách không quá 6mm	0-6%	N1	0%	-
Gỗ thanh và viên đã được tạo dáng	0	-	3%	N1
Ván dăm, ván dăm định hướng (OSB) và các loại ván tương tự, ván sợi bằng gỗ	7%	6 năm	5%	6 năm
Gỗ dán, tấm gỗ ván lạng và các loại gỗ ghép tương tự	6-10%	6 năm	5%	6 năm
Gỗ đã được làm tăng độ rắn, ở dạng khối, tấm, thanh hoặc các dạng hình	0	-	5%	6 năm

Cam kết thuế NK EVFTA

Mặt hàng	Cam kết EU		Cam kết Việt Nam	
	Thuế hiện hành	Lộ trình xóa bỏ	Thuế hiện hành	Lộ trình xóa bỏ
Khung tranh, khung ảnh, khung gương và SP tương tự	0-2,5%	N1	25%	8 năm
Hòm, hộp, thùng thưa, thùng hình trống và các loại bao bì tương tự, bằng gỗ; tang cuốn cáp bằng gỗ; giá kệ để kê hàng, giá để hàng kiểu thùng và các loại giá để hàng khác, bằng gỗ; vành đệm giá kệ để hàng bằng gỗ	3-4%	N1	20%	8 năm
Thùng tô nô, thùng tròn, thùng hình trống, hình trụ, có đai, các loại thùng có đai khác; Dụng cụ các loại, cột và khuông giày hoặc ủng bằng gỗ	0%	-	20%	8 năm
Đồ mộc dùng trong xây dựng, kể cả panel gỗ có lõi xốp, panel lát sàn và ván lợp đã lắp ghép	0-3%	N1	3-5%	N1
Bộ đồ ăn và bộ đồ làm bếp, bằng gỗ	0	-	25%	8 năm
Gỗ khảm và dát; tráp và các loại hộp đựng đồ trang sức hoặc đựng dao kéo, và các sản phẩm tương tự, đồ trang trí	0-4%	N1	20%	8 năm
Các sản phẩm bằng gỗ khác	0-4%	N1	20-25%	6-8 năm
Nội thất nhà bếp	2,7%	N1	25%	8 năm
Nội thất văn phòng, phòng ngủ	0	N1	25%	8 năm
Nội thất bằng gỗ khác	0	N1	10-20%	4 năm

Cam kết thuế XK của Việt Nam trong EVFTA

Mặt hàng	Cam kết Việt Nam	
	Thuế hiện hành	Lộ trình xóa bỏ
Gỗ nhiên liệu, dạng khúc, thanh nhỏ, cành, bó hoặc các dạng tương tự	5%	11 năm
Gỗ cây dạng thô, đã hoặc chưa bóc vỏ hoặc dác gỗ hoặc đẻo vuông thô	10%	11 năm
Gỗ đai thùng; cọc chẻ; sào, cột và cọc bằng gỗ, vót nhọn, nhưng không xẻ dọc; gậy gỗ, đã cắt nhưng chưa tiện, uốn cong hoặc gia công cách khác, phù hợp cho sản xuất	5%	11 năm
Tà vẹt đường sắt hoặc đường xe điện (thanh ngang) bằng gỗ	20%	11 năm
Gỗ đã cưa hoặc xẻ theo chiều dọc, lạng hoặc bóc, đã hoặc chưa bào, chà nhám hoặc ghép nối đầu, có độ dày trên 6 mm.	5→20%	11 năm
Tấm gỗ để làm lớp mặt (kể cả những tấm thu được bằng cách lạng gỗ ghép), để làm gỗ dán hoặc để làm gỗ ghép	5%	11 năm
Gỗ (kể cả gỗ thanh và viền dải gỗ trang trí (friezes) để làm sàn, chưa lắp ghép) được tạo dáng liên tục dọc theo các cạnh, đầu hoặc bề mặt, đã hoặc chưa bào, chà nhám hoặc nối đầu (từ cây lá kim, từ tre, từ gỗ khác)	5%	6-11 năm

Cam kết thuế nhập khẩu gỗ của EU và Việt Nam

Nhóm		Việt Nam	EU
Gỗ nguyên liệu	Hiện hành	0-6%	0-10 %
	Năm cuối	N1-N6	N1-N6
Đồ nội thất gỗ	Hiện hành	3-25%	0-4%
	Năm cuối	N1-N8	N1

Cam kết thuế xuất khẩu gỗ của Việt Nam

Nhóm		Việt Nam
Gỗ nguyên liệu	Hiện hành	5-20%
	Năm cuối	N6-N11

Cam kết nguồn gốc xuất xứ

Nhóm		
Gỗ và các thành phẩm từ gỗ	<ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ thuần túy - Nguyên liệu sản xuất không xuất xứ không cùng nhóm HS với sản phẩm đầu ra - Hoặc tổng giá trị nguyên liệu không vượt quá 70% giá xuất xưởng của sản phẩm <p><i>Một số sản phẩm có yêu cầu công đoạn chế biến như sau:</i></p>	
	<i>Gỗ đã cưa hoặc xẻ theo chiều dọc, lạng hoặc bóc, đã hoặc chưa bào, chà nhám hoặc ghép nối đầu, có độ dày trên 6 mm</i>	- Các công đoạn sau phải thực hiện trong nước thành viên: Bào, chà nhám hoặc ghép nối sản phẩm
	<i>Tấm gỗ để làm lớp mặt (kể cả những tấm thu được bằng cách lạng gỗ ghép), để làm gỗ dán hoặc để làm gỗ ghép tương tự khác và gỗ khác, đã được xẻ dọc, lạng hoặc bóc tách, đã hoặc chưa bào, chà nhám, ghép hoặc nối đầu, có độ dày không quá 6 mm</i>	- Các công đoạn sau phải thực hiện trong nước thành viên: Ghép mộng, bào, chà nhám hay ghép nối sản phẩm
	<i>Ván dăm, gỗ dăm Ván sợi bằng gỗ Gỗ dán Gỗ đã được tăng độ rắn</i>	- Sản xuất miếng gỗ dài trên có những hạt tròn; hoa văn hình hạt tròn hay đúc, ép phải thực hiện trong nước thành viên
	<i>Hòm, hộp, thùng thưa, thùng hình trống và các loại bao bì tương tự, bằng gỗ;</i>	- Không sản xuất từ các tấm cắt theo kích thước có sẵn
	<i>Đồ mộc dùng trong xây dựng, kể cả panel gỗ có lõi xốp, panel lát sàn và ván lợp đã lắp ghép</i>	- Nguyên liệu sản xuất không xuất xứ không cùng nhóm HS với sản phẩm đầu ra, trừ tấm gỗ bào và ván lợp
	<i>Nẹp gỗ; chốt gỗ hoặc ghim cho giày dép</i>	- Không sản xuất từ gỗ có hoa văn thuộc nhóm 4409
	Đồ gỗ nội thất	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên liệu sản xuất không xuất xứ không cùng nhóm HS với sản phẩm đầu ra - Hoặc tổng giá trị nguyên liệu không vượt quá 70% giá xuất xưởng của sản phẩm

Vấn đề chung với NGXX

- Đáp ứng mã hàng hóa (Theo cách phân loại nhóm, mã hàng hóa)
 - Chứng minh về nguồn gốc xuất xứ: Yêu cầu lưu trữ hồ sơ, chứng từ dài hạn về tài chính và về các công đoạn được thực hiện ở các nước;
 - Đảm bảo năng lực thực hiện và giám sát, đảm bảo gõ hợp pháp và NGXX (theo chuỗi cung ứng)
 - DN có thể phải NK đầu vào, nguyên liệu từ các nước EU với chi phí cao hơn thay vì NK thị trường bên ngoài;
- *Doanh nghiệp nước ngoài hay doanh nghiệp trong nước có lợi thế để tận dụng cơ hội?*

Nhập khẩu gỗ nguyên liệu lớn (2014)

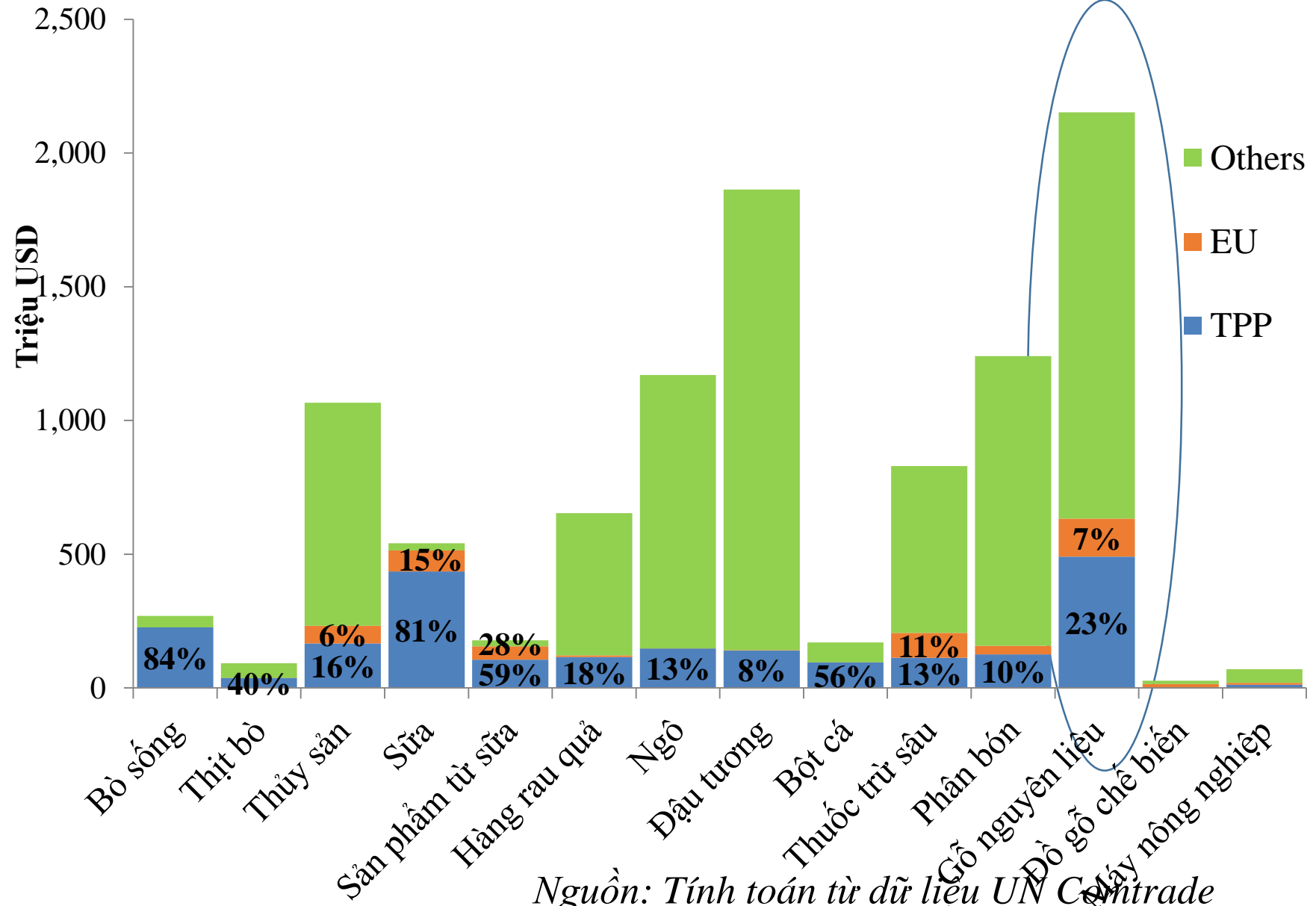
Nhập khẩu:

- Nhập khẩu 4-4,5 triệu m³ (>1,5 tỷ USD) liên tục tăng (70% gỗ xẻ, 30% gỗ tròn)
- Số lượng loài: 160-170 loài
- > 100 quốc gia và vùng lãnh thổ

Trong nước:

- Gỗ rừng trồng phân tán rất nhiều (khó truy xuất).
- Kích thước gỗ nhỏ
- Tỷ lệ cấp FSC thấp (rừng trồng: 2,9%, rừng tự nhiên: 2,34% năm 2016).

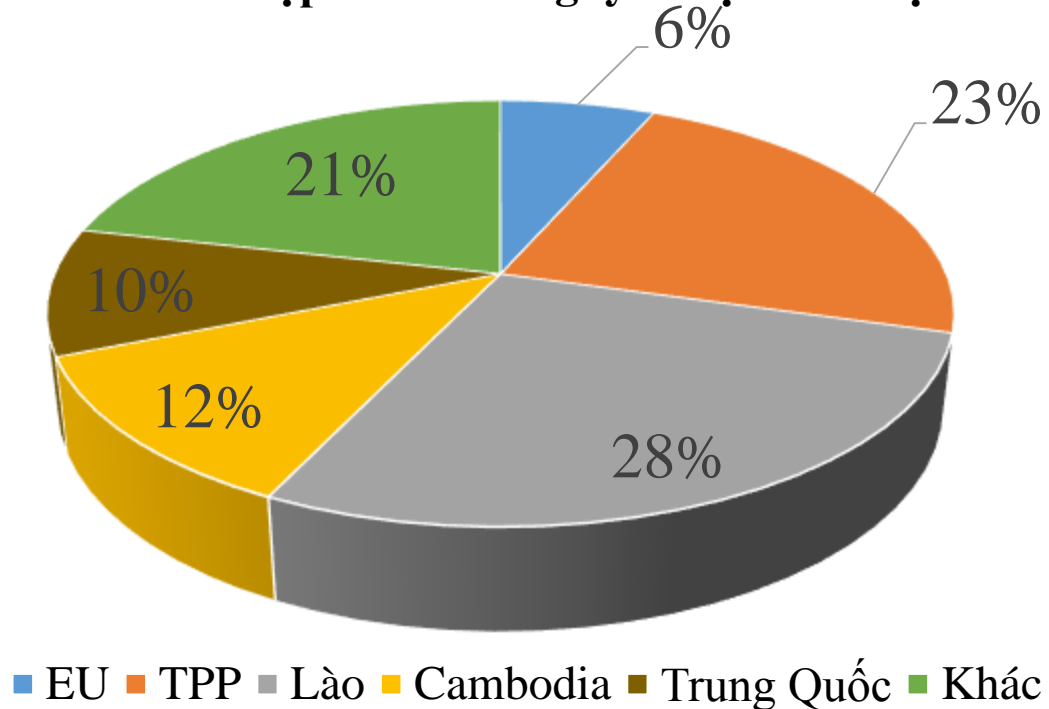
→ Khó truy xuất, tăng chi phí NK gỗ hợp pháp đối với DN



Nguồn: Tính toán từ dữ liệu UN Comtrade

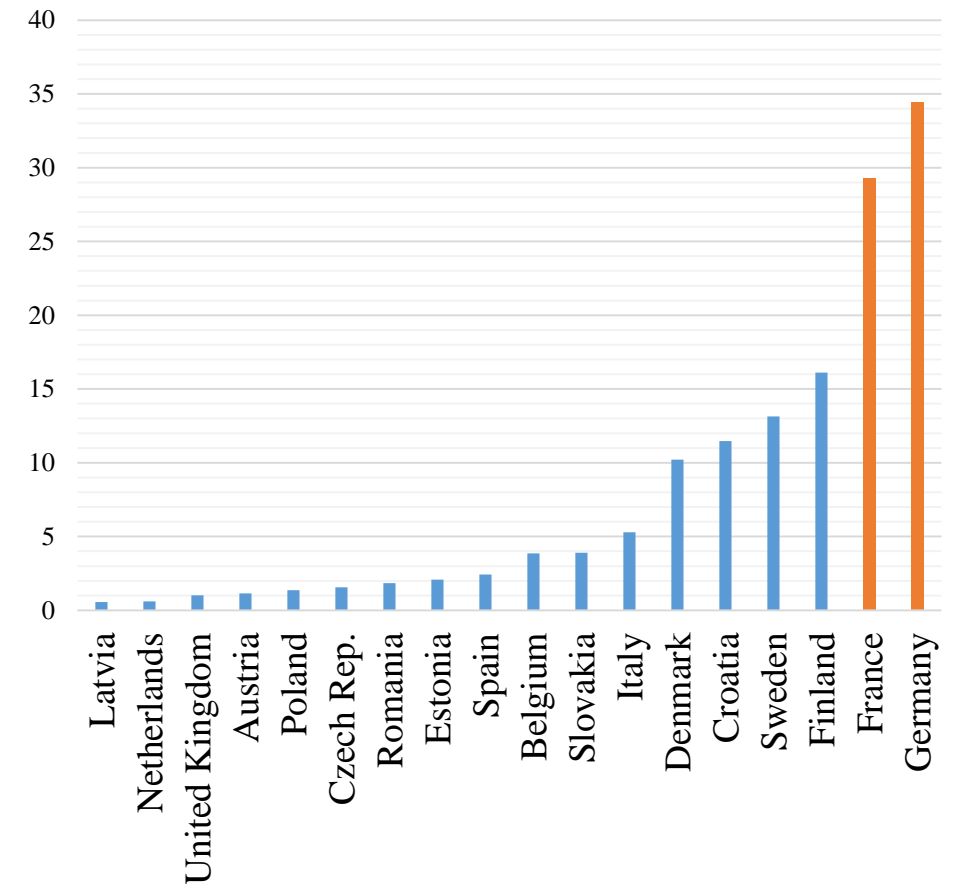
Nhập khẩu gỗ nguyên liệu (2014)

Tình hình Nhập khẩu Gỗ nguyên liệu của Việt Nam



NK gỗ nguyên liệu từ EU 2014

Triệu USD



Nguồn: UN Comtrade

Cơ hội ?

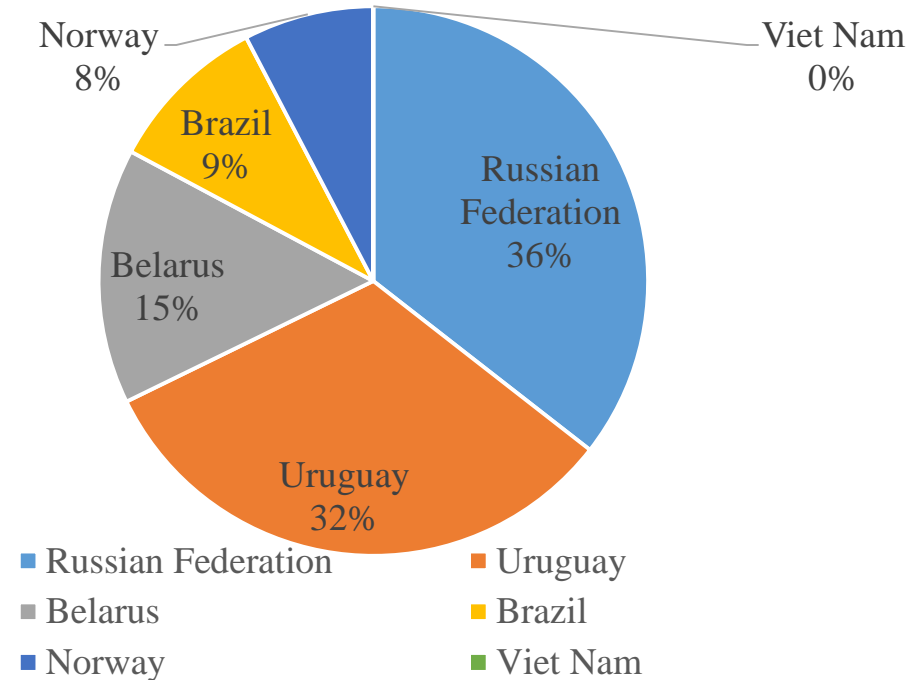
- **Dăm gỗ/gỗ nguyên liệu:**

- ✓ Nhu cầu EU thấp
- ✓ Cơ hội: Không có nhiều do **hết dư địa thuế**
- ✓ Nguồn gốc xuất xứ: Đảm bảo quy định về gỗ hợp pháp

- **Đồ gỗ nội thất**

- ✓ EU là thị trường chính
- ✓ Cơ hội:
 - **Cơ hội về thuế thấp (không đáng kể)**
- ✓ Thách thức:
 - **Nguồn gốc xuất xứ:**
 - ✓ NK gỗ nguyên liệu chủ yếu từ ngoại khối Lào, Campuchia → mức độ hợp pháp thấp
 - ✓ **Chứng chỉ bền vững:** Chỉ có 2-3% diện tích rừng đạt chứng chỉ bền vững
 - **Đầu tư:** Đồ gỗ nội thất VN chủ yếu là XK, bỏ trống thị trường trong nước (đáp ứng chủ yếu từ các làng nghề) → mở cơ hội FDI đầu tư sẽ cạnh tranh mạnh trong nước có thể ảnh hưởng tới các làng nghề

EU nhập khẩu dăm gỗ từ các nước (2015)

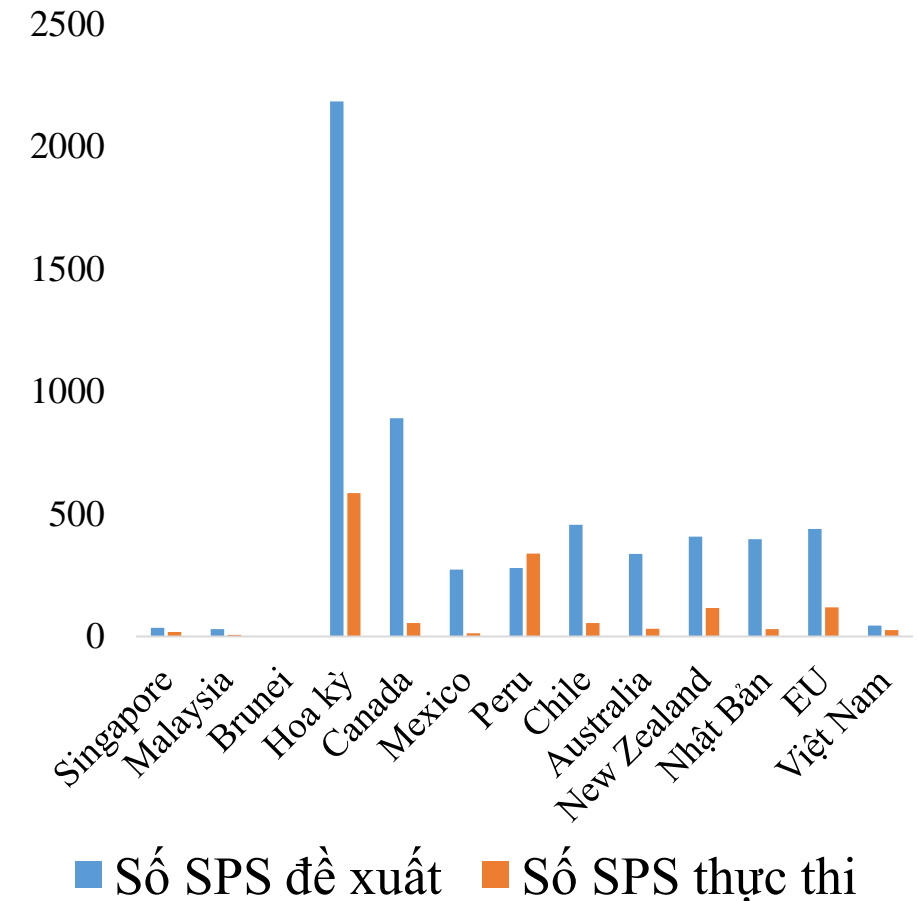


Nguồn: UNComtrade

Vấn đề đối với hàng rào SPS, TBT

- Yêu cầu về SPS, TBT ngày càng tăng lên → DN đối mặt với các tranh chấp thương mại khi nhiều quy định mới được ban hành
 - Nhà nước khó đưa ra các biện pháp SPS/TBT bảo vệ SX trong nước:
 - + Do yêu cầu mở cửa, năng lực xây dựng và chuẩn bị căn cứ KH cho biện pháp kiểm soát nhập khẩu
 - + Năng lực của chính các DN VN có thể không đáp ứng được các tiêu chuẩn cao ở trong nước
- DN buộc phải nâng cao chất lượng, VSATTP (Xuất khẩu), chuẩn bị năng lực giải quyết tranh chấp trong thương mại

Tình hình đề xuất và thực thi SPS của TPP và EU (5/2016)



CAM KẾT KHÁC

Cam kết	Nội dung cam kết	Lưu ý đối với Doanh nghiệp
Đầu tư	<ul style="list-style-type: none">✓ Đối xử tối huệ quốc✓ Không dùng chính sách điều kiện đầu tư (từng Hiệp định có danh mục riêng)✓ Bồi thường cho nhà đầu tư nếu bị thiệt hại do xung đột vũ trang, bất ổn XH và chính sách✓ Không trưng dụng hoặc quốc hữu hóa DA đầu tư, trừ trường hợp mục đích công và có bồi thường✓ Công nhận và tạo điều kiện thuận lợi cho chuyển nhượng tài sản✓ Nhà đầu tư có thể kiện nhà nước, giải quyết ở trọng tài quốc tế	<ul style="list-style-type: none">✓ Tăng quyền đối với nhà đầu tư/doanh nghiệp✓ Thu hút, đẩy mạnh đầu tư nước ngoài → Cạnh tranh trong thương mại và đầu tư giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước
Sở hữu trí tuệ	<ul style="list-style-type: none">✓ Tập trung nhiều vào Chỉ dẫn địa lý✓ Quy định về SHTT giống cây trồng → Luật VN cơ bản đáp ứng✓ Đơn giản trong các điều khoản về ngoại lệ và bãi bỏ SHTT✓ Không quy định về minh bạch	<ul style="list-style-type: none">✓ Lưu ý đối với nguồn gen, kiến thức truyền thống, chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm✓ Tranh chấp đối với quyền sở hữu trí tuệ
Lao động	<ul style="list-style-type: none">✓ Quyền tự do liên kết và thương lượng tập thể của người LĐ và sử dụng LĐ (*)✓ Xóa bỏ LĐ cưỡng bức và bắt buộc✓ Cấm sử dụng LĐ trẻ em✓ Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none">✓ DN chú ý đảm bảo vai trò và tiếng nói của người LĐ trong DN;✓ Nâng cao thu nhập, đời sống cho người lao động, không sử dụng lao động trẻ em trong toàn chuỗi giá trị

Điểm thuận lợi

- Mở cửa các thị trường lớn cho nhiều ngành, lĩnh vực hỗ trợ cho sản xuất và chế biến gỗ (máy móc chế biến, nguyên phụ liệu chế biến gỗ,)
- Thuận lợi hóa môi trường đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp hơn, cạnh tranh bình đẳng
- Các bên thống nhất cho phép áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ: cho phép DN tự chứng nhận
- EU hỗ trợ kỹ thuật, tạo điều kiện cho Việt Nam gia hạn tuân thủ các tiêu chuẩn
- EU áp dụng hệ thống công nhận tương đương nhằm đạt được các tiêu chuẩn chung.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA EU ĐỐI VỚI GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

1. Yêu cầu pháp lý:

- Vệ sinh ATTP: Chỉ thị 178/2002 /EC, Ghi nhãn hàng hóa: chỉ thị số 2000/13/EC, v.v.
- **Chứng minh nguồn cung hợp pháp:**
 - ✓ Hội đồng quản trị rừng (FSC)
 - ✓ Chuỗi hành trình sản phẩm (CoC)
 - ✓ Quy chế về gỗ của EU (EUTR)
 - ✓ **Cấp phép FLEGT/VPA**

2. Yêu cầu bổ sung về các tiêu chuẩn của nhà phân phối đặt ra: Nhà phân phối sẽ tự cung cấp trực tiếp cho DN.

“EU áp dụng hệ thống các quy định nhằm mục tiêu bảo vệ sức khỏe, vệ sinh môi trường và người tiêu dùng ở mức cao”

Các nguyên tắc cấp FLEGT

7 Nguyên tắc cho tổ chức/hộ gia đình – tuân thủ	
1	Quy định về khai thác gỗ trong nước tuân thủ quy định về sử dụng đất, rừng, quản lý và môi trường
2	Các quy định về xử lý gỗ tịch thu
3	Các quy định về nhập khẩu gỗ
4	Vận chuyển và mua bán gỗ
5	Chế biến gỗ
6	Xuất khẩu gỗ
7	Thuế và lao động

QUẢN LÝ CHUỖI CUNG TRONG VPA

Hệ thống kiểm soát quốc gia VNTLAS	Gỗ hợp pháp	Quản lý chuỗi cung
	Tạo lập xác minh và phê duyệt bằng chứng ở từng giai đoạn trong chuỗi cung	
	Thanh tra và kiểm tra nội bộ	
Các biện pháp bổ sung áp dụng cho DN xuất khẩu EU	Xác minh sự tuân thủ dựa trên đánh giá rủi ro và xác minh	
	Cấp phép FLEGT	
	Đánh giá độc lập định kỳ	

CẤP PHÉP FLEGT/VPA

• Nội dung

- Cấp phép cho từng lô hàng
- Cơ quan cấp phép: CITES Việt Nam
- Cơ quan xác minh và phân loại doanh nghiệp: Cơ quan kiểm lâm các cấp
- Các cơ quan liên quan đến xác minh: Nông nghiệp, TNMT, Tài chính, Lao động thương binh xã hội, công thương, tư pháp, chính quyền địa phương các cấp

• Quy trình

1. DNKK gửi đơn đề nghị cấp phép và hồ sơ cho từng lô hàng XK
2. Cơ quan cấp phép:
 - DN (không nghi ngờ rủi ro) → chấp thuận
 - DN có nghi ngờ về rủi ro → xác minh lại
3. Kiểm tra tính tuân thủ, kiểm soát chuỗi cung ứng và xác minh theo VNTLAS → cấp phép hoặc từ chối

Lợi ích: Giảm bớt trách nhiệm giải trình về gỗ hợp pháp khi XK sang EU

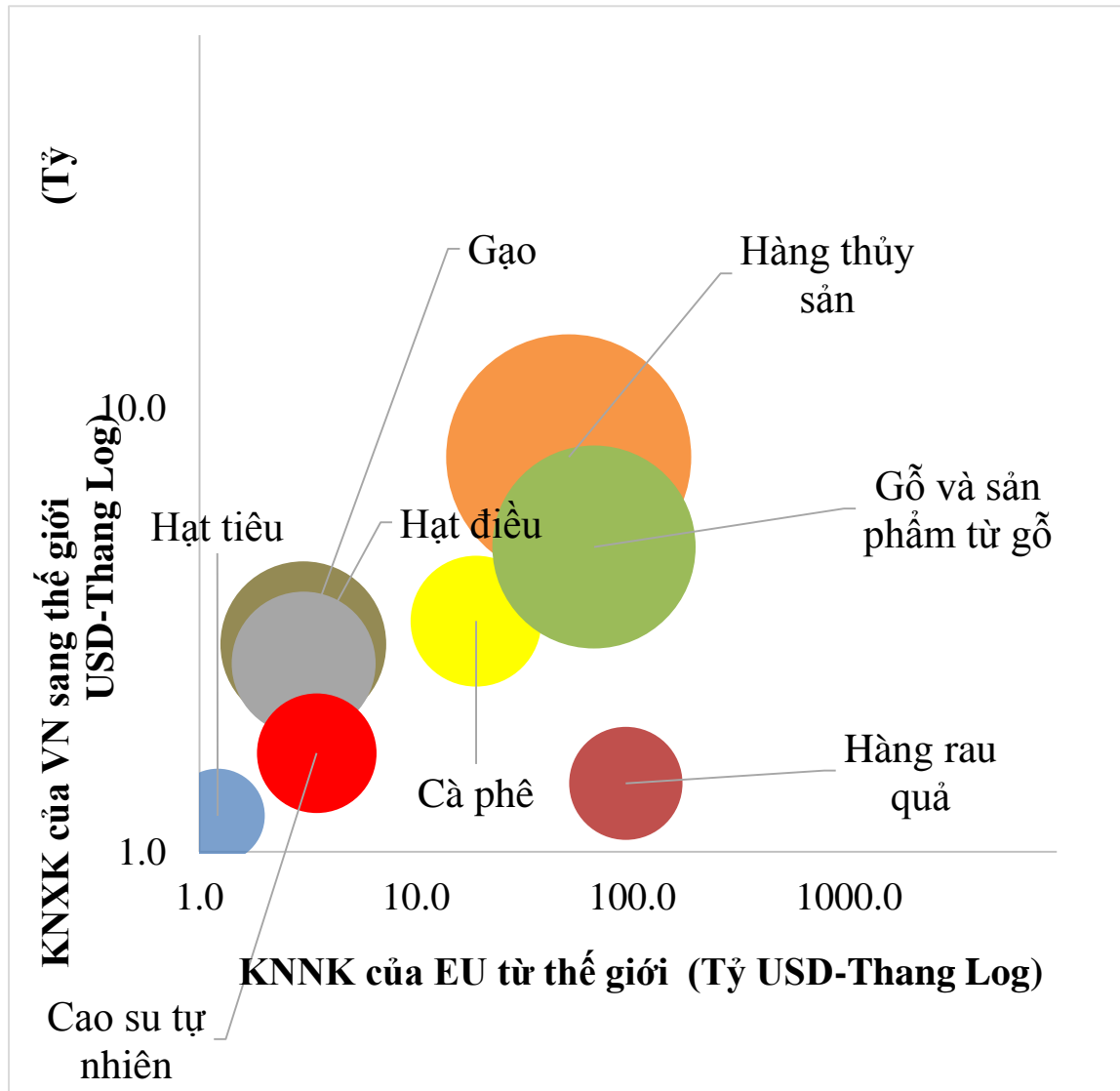
Mở ra cơ hội xuất khẩu sang nhiều thị trường lớn khác

Khó khăn: Quy trình tương đối phức tạp → tăng chi phí, thủ tục hành chính tại Việt Nam, mất thời gian thích ứng với Flegt; Một số loại gỗ Việt Nam chưa có quy định cụ thể để cấp hồ sơ hợp pháp (gỗ cao su)

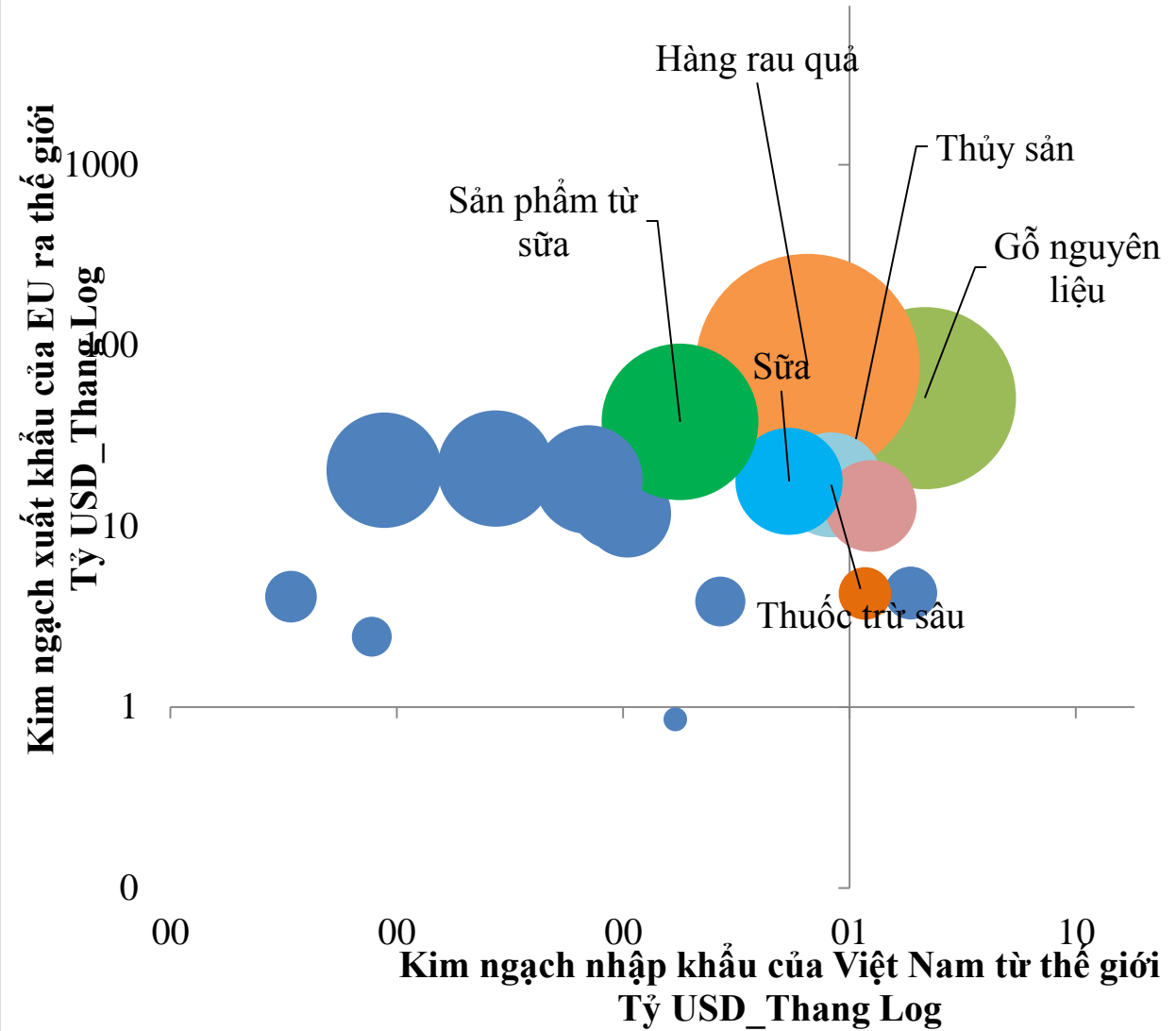
**TIỀM NĂNG THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI THƯƠNG MẠI
GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ GIỮA VIỆT NAM VÀ EU**

Tiềm năng thị trường về thương mại NLTS

Tiềm năng xuất khẩu VN sang EU



Tiềm năng XK EU sang Việt Nam

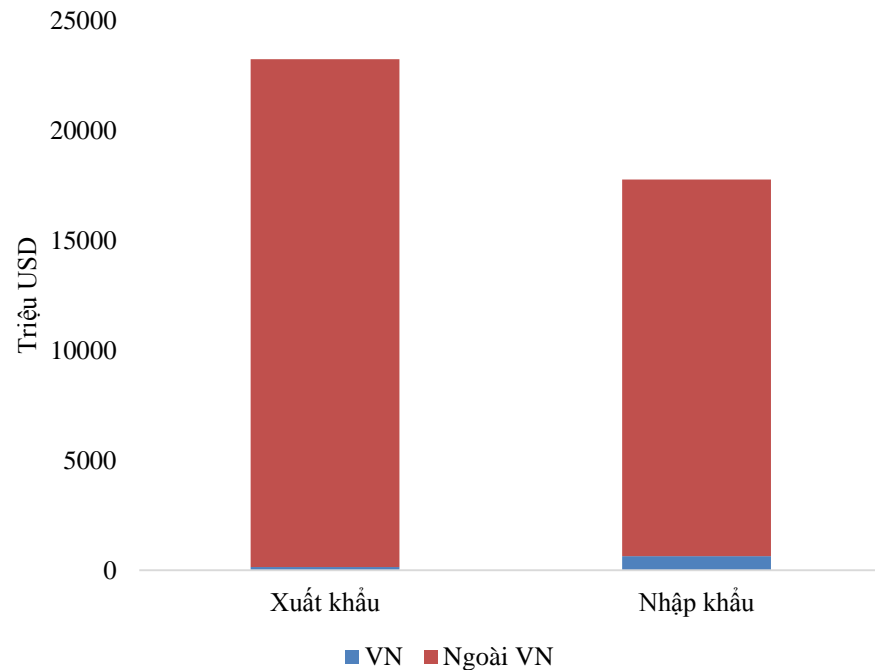


Nguồn: Tính toán từ dữ liệu UNcomtrade

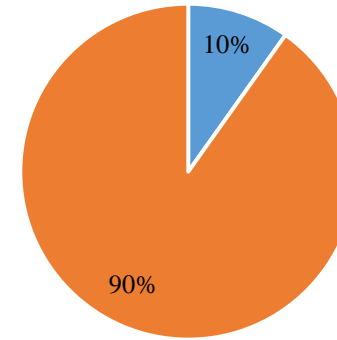
Cơ hội thương mại gỗ và sản phẩm giữa Việt Nam và EU

Xuất nhập khẩu gỗ và đồ gỗ của Việt Nam năm 2015

Thương mại gỗ và đồ gỗ của EU năm 2015

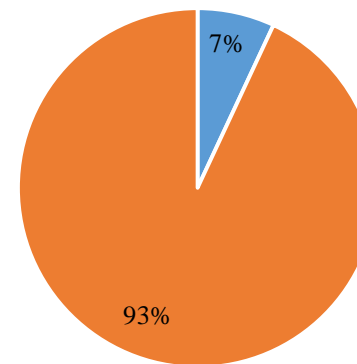


Xuất khẩu sang EU (Blue) | Xuất khẩu ngoài EU (Orange)



Xuất khẩu

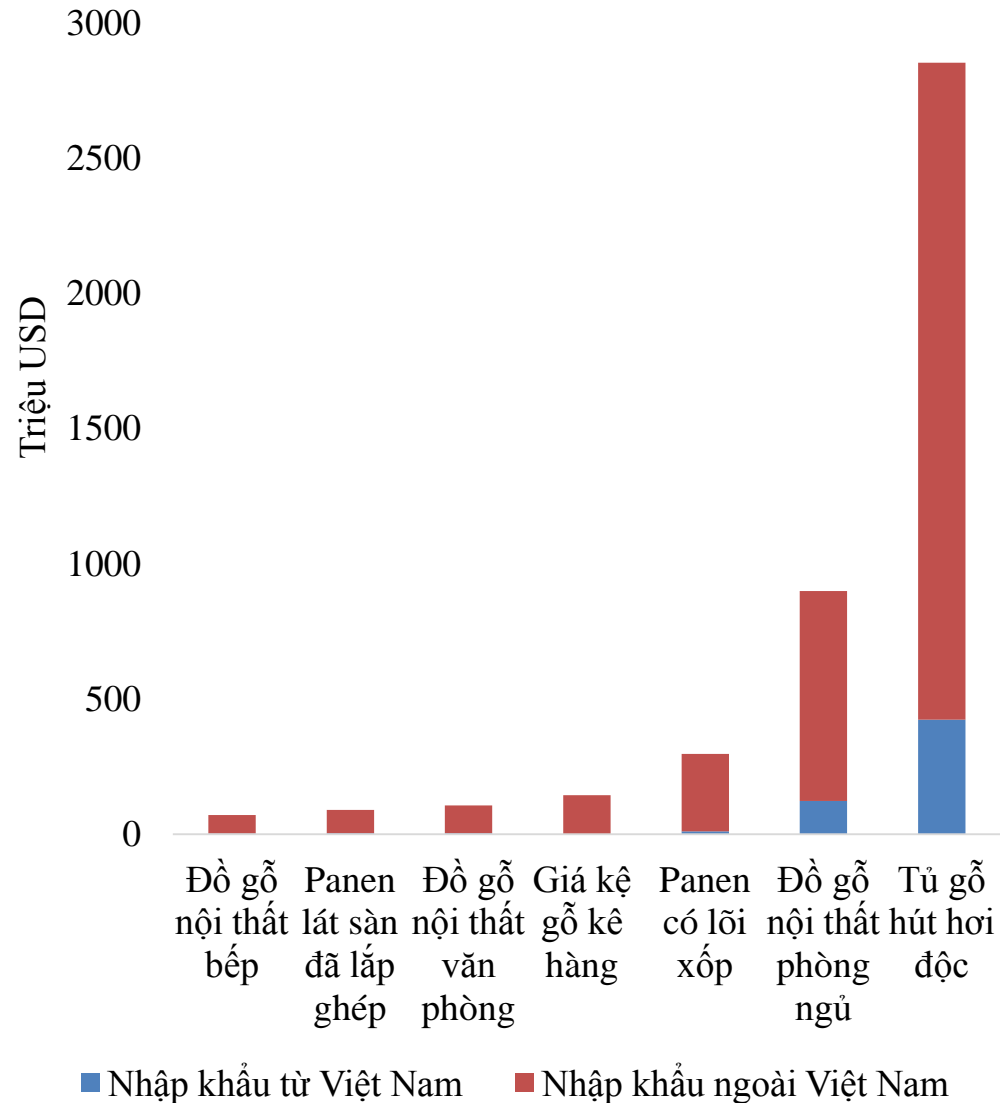
Nhập khẩu từ EU (Blue) | Nhập khẩu ngoài EU (Orange)



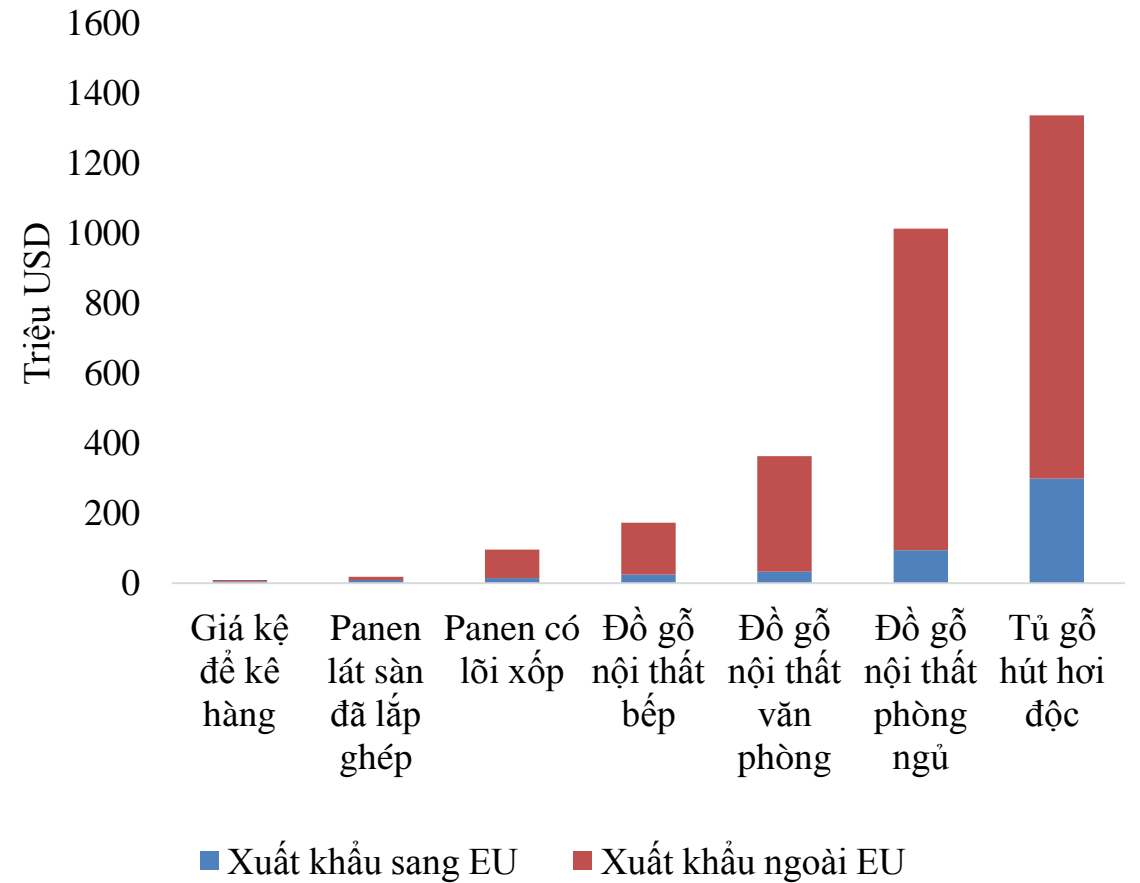
Nhập khẩu

Xuất khẩu

Tình hình NK gỗ và SP từ gỗ của EU năm 2015



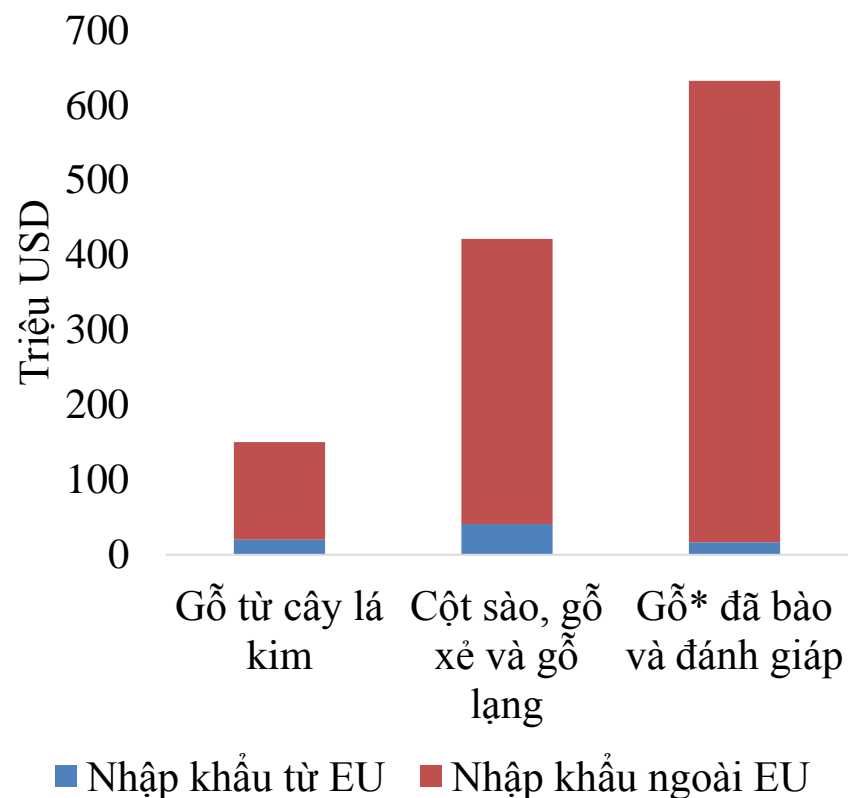
Tình hình XK gỗ và SP gỗ của Việt Nam (năm 2015)



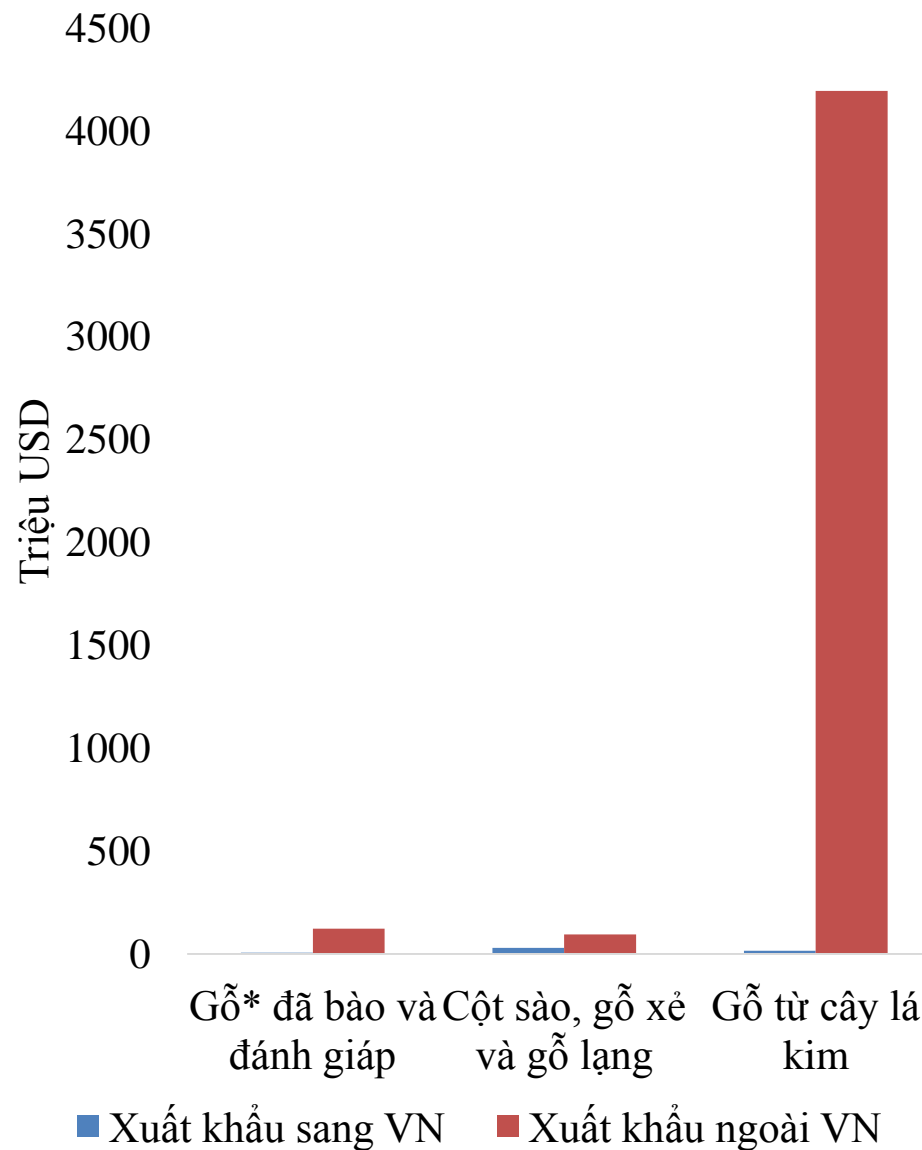
Nguồn: UN Comtrade

TM gỗ nguyên liệu Việt Nam và EU

Nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt Nam năm 2015



Xuất khẩu gỗ nguyên liệu của EU năm 2015

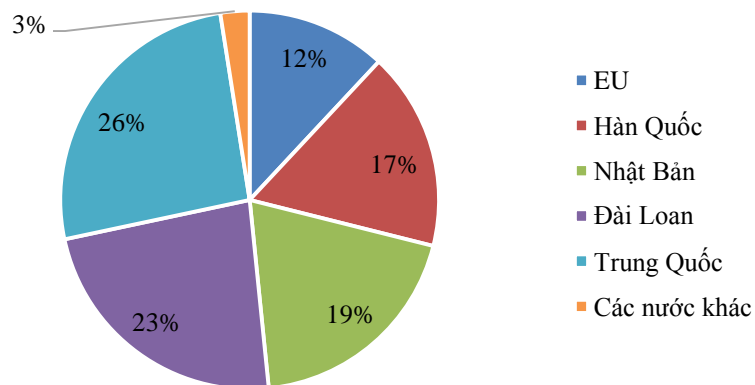


Nguồn: UN Comtrade

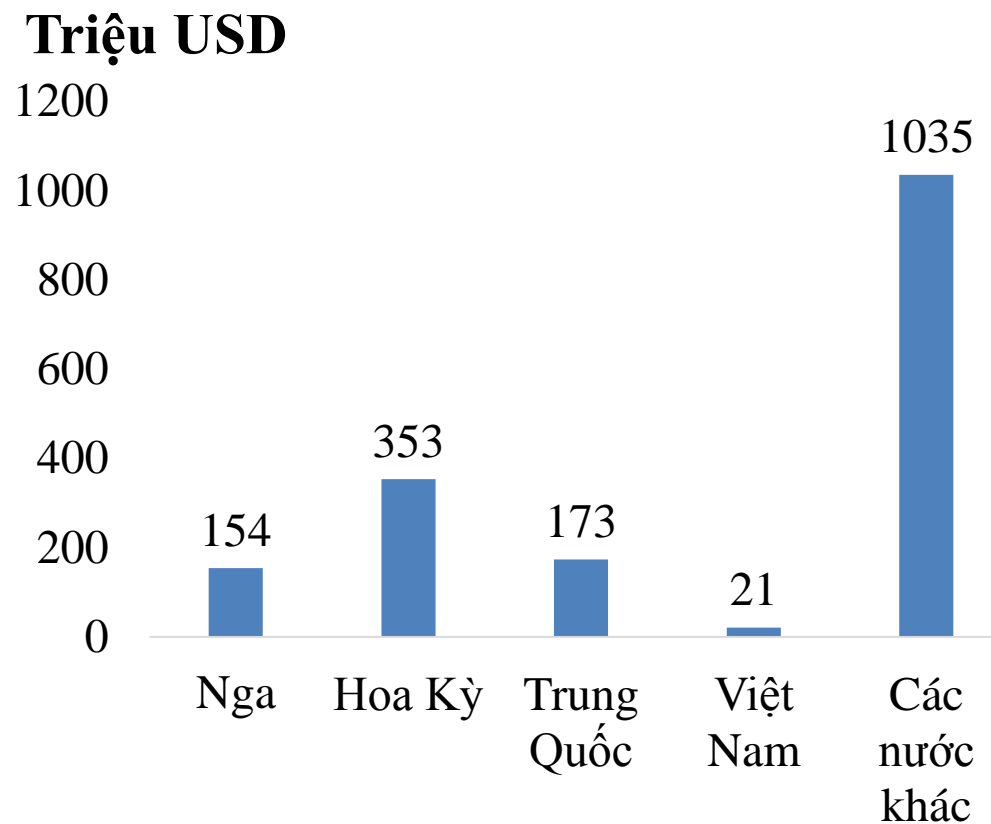
Cơ hội với máy chế biến gỗ

Mặt hàng máy móc chế biến gỗ	Thuế hiện hành	Lộ trình xóa bỏ
Máy có thể thực hiện các nguyên công gia công cơ khác nhau mà không cần thay dụng cụ giữa các nguyên công	0%	
Máy cưa, máy bào, máy phay và các loại máy chế biến gỗ khác	3%	Ngay lập tức

Nhập khẩu máy móc chế biến gỗ của Việt Nam năm 2015



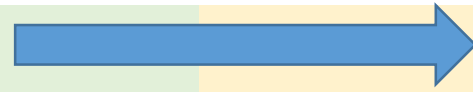
XK máy móc chế biến đồ gỗ của EU năm 2015



Nguồn: UN Comtrade

Doanh nghiệp?

Khó khăn



- Quy mô sản xuất nhỏ, giá thành cao
- Phụ thuộc về nguồn nguyên liệu
- Hạn chế về công nghệ, trang thiết bị chủ yếu nhập khẩu
- Năng lực thiết kế sản phẩm yếu
- Thương hiệu/nhãn hiệu thị trường yếu
- Hạn chế về thông tin thị trường EU: Quy trình hải quan, thị hiếu, tiêu chuẩn chất lượng
- Năng lực tham gia của DN trong nước vào chuỗi giá trị toàn cầu yếu (bấy “gia công”);

Thách thức

- Áp lực giảm giá của người mua Châu Âu trong khi giá lao động và đầu vào tăng
- Cạnh tranh gia tăng tại EU với Indonesia, Campuchia, Nam Phi, Myanmar (các nước có nguồn)
- Cạnh tranh về các nguồn nguyên liệu hợp pháp (chi phí nguyên liệu tăng: giá và chi phí cấp chứng nhận)
- Sự kiện Brexit → giảm bớt cơ hội thị trường

Khuyến nghị đối với doanh nghiệp

- Chủ động nâng cao khả năng tiếp cận thông tin, tiêu chuẩn của EU
- Tăng cường sự phối hợp giữa các doanh nghiệp với nhau, cùng thúc đẩy đổi mới vai trò và hoạt động của hiệp hội → hỗ trợ hiệu quả cho doanh nghiệp
- Quản lý chất lượng, kiểm soát việc sử dụng hóa chất trong toàn bộ quy trình sản xuất
- Kiểm soát nguồn nguyên liệu gỗ hợp pháp:
 - Tăng nhập khẩu nguyên liệu từ các nước có mức rủi ro thấp
 - Kết nối với DN NK gỗ các nước phát triển để tiếp cận nguồn nguyên liệu có nguồn gốc xuất xứ
 - Thực hiện khai thác gỗ hợp pháp (kể cả đối với gỗ rừng trồng)
 - Tham gia đầu tư vào các vùng sản xuất nguyên liệu trong nước (tận dụng các NLT quốc doanh), liên kết hợp nông dân qua Hợp tác xã
- Đầu tư và sản xuất: phát triển chế biến gỗ từ dăm gỗ, tăng cường áp dụng công nghệ chế biến mới (tận dụng lợi thế từ cam kết)
- Chú trọng đến nhu cầu của thị trường trong nước
- Xây dựng và phát triển thương hiệu gỗ và sản phẩm gỗ

Khuyến nghị đối với EU và Nhà nước

Đối với phía EU hỗ trợ:

- Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất, chế biến cho DN trong nước
- Hỗ trợ kỹ thuật đáp ứng tiêu chuẩn/quy chuẩn
- Tiếp cận thị trường, liên kết và đầu tư sang EU trong sản xuất, nhập khẩu nguyên liệu
- Xúc tiến thương mại, thúc đẩy đầu tư từ EU vào công nghệ cao chế biến gỗ tại Việt Nam

Nhà nước:

- Phát triển, quy hoạch vùng gỗ rừng trồng (đặc biệt rừng trồng cây gỗ lớn)
- Cần có cơ quan giúp DN xây dựng đề án cấp chứng chỉ FSC
- Khuyến khích giảm bớt việc xuất khẩu dăm gỗ, khuyến khích DN sản xuất gỗ có giá trị gia tăng
- Khuyến khích các hộ gia đình nhỏ tích tụ thành rừng gỗ lớn và liên kết với doanh nghiệp
→ cấp chứng chỉ FSC, truy xuất được nguồn gốc nguyên liệu
- Tổ chức các diễn đàn, hội nghị trao đổi và chia sẻ thông tin về chính sách và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp

Một số trang thông tin DN có thể tham khảo:

- Trang thông tin về HDTM và cam kết:

- <http://www.trungtamwto.vn/fta>
- https://www.wto.org/english/res_e/res_e.htm

- Các quy định và tiêu chuẩn chính của EU:

- http://ec.europa.eu/growth/sectors/chemicals/reach/index_en.htm
- http://ec.europa.eu/smart-regulation/impact/index_en.htm
- http://exporthelp.Europa.eu/thdapp/display.htm?page=form%fform_myexport.html&docType=main&languageId=en

- Một số tiêu chuẩn khác

- **Tiêu chuẩn Fleight:** <http://fleightvpa.com/>
- Bộ tiêu chuẩn về rừng bền vững (FSC)
- Tham khảo thêm: <http://mutrap.org.vn/index.php/vi/explore/an-pham-mutrap/finish/57/1107>

- Giải đáp thông tin, các thông báo về quy định và tiêu chuẩn (biện pháp phi thuế quan):

- Văn phòng SPS tại Bộ NN&PTNT: <http://www.spsvietnam.gov.vn/>
- Văn phòng TBT tại Bộ KH&CN: <http://www.tbtvn.org/default.aspx>

Trân trọng cảm ơn!

Bùi Thị Việt Anh

Email: anh.bui@cap.gov.vn